

Số: /QĐ-UBND

Cát Hải, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh
Dự án Xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng
và các công trình phụ trợ**

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của HĐND huyện Cát Hải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ;

Căn cứ các Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ;

Căn cứ các Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND đặc khu Cát Hải về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng Hải Phòng: số 6454/SXD-KTQLĐTXD, ngày 16/6/2026 về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ; số 10511/SXD-QHKT, ngày 03/12/2025 về việc tham gia ý kiến vào Quy hoạch tổng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 04/TTr-KT, ngày 18/6/2026 và Thông báo kết quả thẩm định số 11/TĐBCKT-KT ngày 18/6/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Phù Long và xã Đồng Bài, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là Thôn ngoài, Thôn Chấn, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng).

3. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính Hải Phòng.

- Tổ chức tư vấn khảo địa hình: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Lê Chân.

- Tổ chức tư vấn khảo sát địa chất: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Hải Phòng.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Nhóm B, công trình giao thông, cấp II.

7. Mục tiêu dự án

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ nhằm thực hiện các mục tiêu chính như sau:

+ Đẩy mạnh khả năng vận chuyển qua bến phà Đồng Bài và bến phà Cái Viềng, góp phần hạn chế tình trạng ùn tắc tại các đầu bến phà;

+ Hoàn thiện các điều kiện cần thiết phục vụ đi lại của Nhân dân, du khách và cơ sở vật chất hoạt động của bến phà; đồng thời đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ đã triển khai được duyệt gồm:

a. Bến phà Đồng Bài

- Phần bến phà cập mũi:

+ Mở rộng phần mũi và mặt bến theo dạng hình thang có chiều dài 61m, chiều rộng thay đổi từ 6m đến 15m phần mũi bến, diện tích 690m².

+ Nạo vét khơi thông luồng lạch, diện tích nạo vét khoảng 10.000m², chiều sâu nạo vét trung bình là 1,5m.

+ Xây tường chắn bê tông cốt thép dự ứng lực chắn đất từ đường mở rộng ra đến tằm bê tông chắn sóng phần mở rộng dài 112,4m.

- Phần đường lên xuống phà: Mở rộng đường lên xuống bến, mặt đường bê tông nhựa C12.5 rộng 7m (2 làn đường); Xử lý nền đất yếu bằng cọc đất gia cố xi măng D1000, mạng hình vuông 2,0m, chiều sâu xử lý 15m; vỉa hè trái tuyến rộng 3m, xây dựng hệ thống thoát nước mặt D600 dưới vỉa hè, mặt vỉa hè lát gạch terrazzo, trồng cây xanh.

- Nhà chờ và các công trình phụ trợ:

+ Xây dựng nhà chờ và các công trình phụ trợ bên phải tuyến, giáp khu nhà chờ tàu của Công ty TNHH Mặt trời Cát Bà với quy mô như sau:

+ Xây dựng nhà chờ, nhà ở và làm việc công nhân: Nhà 02 tầng, công trình cấp III, diện tích xây dựng 1.100m², tổng diện tích sàn sử dụng 1.675m², nhà gồm 12 bước gian 5,0m, 02 bước gian hành lang bên 3,0m; 03 nhịp 4,0m; 01 nhịp hành lang bên 3,0m; cổ móng cao 0,45m so với sân hoàn thiện. Công năng sử dụng gồm các phòng tầng 1 gồm: Sảnh chờ, quầy thông tin, căng tin, phòng y tế, phòng kho, khu vệ sinh, hành lang ngoài, 02 cầu thang bộ. Tầng 2 gồm: Phòng nghỉ nhân viên nam, phòng nghỉ nhân viên nữ, khu bếp ăn, phòng làm việc, phòng quản lý, phòng họp, khu vệ sinh, thay đồ cho nhân viên, sân + hành lang ngoài, 02 cầu thang bộ.

+ Kho nhiên liệu: Xây dựng chân móng để tét dầu nhiên liệu âm so mặt vỉa hè, diện tích khoảng 25m²; Thi công tường hộ lan.

b. Bến phà Cái Viêng:

* Phần bến phà cập mũi, đường dẫn, cải tạo mặt bến cũ.

- Phần mở rộng:

+ Mở rộng phần mũi và mặt bến, kích thước mũi mở rộng thêm 17,6m, dài 45m, diện tích 808m².

+ Mở rộng đường lên xuống phà, mặt đường bê tông nhựa rộng trung bình 12m để phù hợp với bến phà mở rộng diện tích 1.294m².

- Phần cải tạo:

+ Cải tạo, nâng cấp toàn bộ mặt bến cũ: Đổ bê tông bù vênh dày trung bình khoảng 10cm sau đó đổ bê tông cốt thép dày 12cm.

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 và rải lớp bê tông nhựa C19.5 dày 7cm C12.5 dày 5cm phần đường dẫn cũ diện tích: 2.867m²;

+ Nạo vét khơi thông luồng lạch diện tích nạo vét khoảng 15.000m² chiều sâu nạo vét trung bình là 1,5m.

- Phần nhà chờ và các công trình phụ trợ

- Cải tạo nhà chờ hiện trạng có diện tích khoảng 325m².

- Xây dựng mới nhà vệ sinh: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 140m².

* Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự án trình thẩm định.

- Xây dựng trụ sở làm việc tập trung cho lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an thành phố, Cảng vụ đường thủy nội địa Hải Phòng: Xây dựng Trụ sở làm việc tập trung 02 tầng. Nhà có diện tích xây dựng 210 m², tổng diện tích sàn 385m².

- Xây dựng bổ sung đường cáp ngầm 35kV và TBA 250kVA35(22)/0,4kV cấp điện cho Bến Phà Đồng Bài.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: (có phụ lục kèm theo)

11. Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh: 109.389.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh chín tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi phí	Giá trị đã duyệt theo QĐ số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Cát Hải	Điều chỉnh kỳ này	Tăng (+) Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng, thiết bị	86.143.368.000	96.111.068.000	+ 9.967.700.000
2	Chi phí quản lý dự án	2.111.256.000	2.349.845.000	+ 238.589.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	5.716.340.000	6.655.805.000	+ 939.465.000
4	Chi phí khác	1.405.076.000	1.570.698.000	+ 165.622.000
5	Chi phí dự phòng	3.127.960.000	2.701.584.000	- 426.376.000
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)		98.504.000.000	109.389.000.000	+10.885.000.000

Bằng chữ: Một trăm linh chín tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án điều chỉnh:

Nội Dung	Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Cát Hải	Điều chỉnh kỳ này
Thời gian thực hiện dự án	Năm 2024 - 2025	Năm 2024 - 2026

Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách đặc khu (vốn đầu tư công).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung được duyệt tại Điều 1 theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT, PCT UBND đặc khu;
- Như điều 2, 3;
- Phòng giao dịch số 2- KBNN Khu vực III;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Viết Điện

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy trình quy phạm	Mã hiệu
I	Áp dụng cho công trình bến	
1.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2009/BXD
2.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu Đường thủy nội địa	QCVN 39:2020/BGTVT
3.	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2012
4.	Công trình giao thông trong vùng có động đất	22 TCN 221:1995
5.	Công trình bến cảng biển – Tiêu chuẩn thiết kế	22 TCN 207:92
6.	Công trình Cảng biển – Yêu cầu thiết kế - Phần 1: Nguyên tắc chung	TCVN 11820-1:2017
7.	Công trình Cảng biển – Yêu cầu thiết kế - Phần 2: Tải trọng và tác động	TCVN 11820-2:2017
8.	Công trình Cảng biển – Yêu cầu thiết kế - Phần 3: yêu cầu về vật liệu	TCVN 11820-3:2019
9.	Công trình Cảng biển – Yêu cầu thiết kế - Phần 4-1: Nền móng	TCVN 11820-4-1:2020
10.	Công trình Cảng biển – Yêu cầu thiết kế - Phần 4-2: Cải tạo đất	TCVN 11820-4-2:2020
11.	Tiêu chuẩn quốc gia Luồng tàu biển – Yêu cầu thiết kế	TCVN 11419:2016
12.	Quy trình thiết kế kênh biển	115-QĐ/KT4-1976
13.	Bến phà, bến cầu phao đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCVN 9859:2013
14.	Tải trọng và tác động (do sóng và do tàu) lên công trình thủy (Tiêu chuẩn thiết kế)	22 TCN-222-95
15.	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023
16.	Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công	TCVN 8422:2010

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy trình quy phạm	Mã hiệu
17.	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	22 TCN 262 - 2000
18.	Gia cố nền đất yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403: 2012
19.	Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4253:2012
20.	Công trình thủy lợi – Cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet-Grouting – yêu cầu thiết kế thi công và nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu	TCVN 9906-2014
21.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304-2014
22.	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888-2014
23.	Kết cấu bê tông và BTCT	TCVN 5574:2018
24.	Kết cấu BT và BTCT - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển	TCVN 9346-2012
25.	Kết cấu BT và BTCT công trình thủy công	TCVN 4116-85
26.	Kết cấu bê tông và BTCT. Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
27.	Tiêu chuẩn, kỹ thuật cho công trình Cảng Nhật Bản (tham khảo)	OCDI-2002 & 2009
II	Tiêu chuẩn vật liệu	
28.	Xi măng - Phân loại	TCVN 5439:2004
29.	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2660:2009
30.	Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2009
31.	Xi măng poóc lăng bèn sunphat - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6067:2004
32.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
33.	Nước cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
34.	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651:2018
35.	Thép các bon cán nóng dùng cho xây dựng - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2018

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy trình quy phạm	Mã hiệu
36.	Thép cốt bê tông. Hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
37.	Bê tông. Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
III	Tên tiêu chuẩn thí nghiệm	
38.	Cọc - phương pháp thí nghiệm hiện trường	TCXD 88:1982
39.	Cọc – phương pháp thử động biến dạng lớn	TCVN 11321:2016
40.	Bê tông - Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén	TCVN 10303:2014
41.	Bê tông nặng - phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
42.	Bê tông nặng - phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCXDVN 162:2004
43.	Bê tông nặng - chỉ dẫn đánh giá cường độ trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006
IV	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	
44.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5637:1991
45.	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
46.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
47.	Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng	TCVN 9361:2012
48.	Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu công trình bến cảng	22 TCN 289:2002
49.	Quy trình nghiệm thu công tác nạo vét và bồi lấp các công trình vận tải sông biển được thực hiện bằng phương pháp cơ giới	số 924/QĐ-KT ngày 21/4/1975 của Bộ giao thông vận tải
50.	Tiêu chuẩn cơ sở Công tác nạo vét – Thi công và nghiệm thu	TCCS 02:2015/ CHHVN
51.	Đóng và ép cọc. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9394:2012
52.	Kết cấu BT và BTCT toàn khối, Quy phạm thi	TCVN 4453:1995

Stt	Tên tiêu chuẩn, quy trình quy phạm	Mã hiệu
	công và nghiệm thu	
53.	Kết cấu bê tông và BTCT lắp ghép. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
54.	Sản phẩm bê tông ứng lực trước – Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2012
55.	Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 8819:2011
56.	An toàn điện trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 4086:1985
57.	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu	TCVN 5674:1992
58.	Bàn giao công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5640:1991

- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành có liên quan khác.